**PHỤ LỤC**

**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

*(Trích thông tư số: 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV)*

**Điều 5. Giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02**

1. Nhiệm vụ:

a. Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học;

b. Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm;

d. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

đ. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học. Tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học;

e. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g. Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

h. Tham gia hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh;

i. Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

k. Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;

l. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a. Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c. Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II);

d. Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đ. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a. Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b. Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

c. Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

đ. Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố;

e. Viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

**Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03**

1. Nhiệm vụ:

a. Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học. Giảng viên trong thời gian làm công tác trợ giảng thực hiện hỗ trợ giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành và chấm bài;

b. Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c. Tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; tham gia đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

d. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo;

đ. Tổ chức và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ cho cơ sở sản xuất;

e. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g. Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập;

h. Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

i. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c. Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a. Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b. Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

c. Biên soạn giáo án, tập hợp các tài liệu tham khảo liên quan của bộ môn, chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm;

d. Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng, triển khai những kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào công tác giáo dục và đào tạo, sản xuất và đời sống;

đ. Có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên.

**NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)**

(Trích thông tư số: 18/2017/TT-BGDĐT, Thông tư

Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập)

**Điều 6. Bài thi kiến thức chung**

1. Nội dung thi:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng;

b) Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam;

c) Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

d) Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường;

đ)Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường;

e) Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II);

g)Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

2.Hình thức thi: Tự luận.

3.Thời gian thi: 180 phút.

**Điều 7. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ**

1.Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

2.Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

3.Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

**Điều 8. Bài thi ngoại ngữ**

1. Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 (B1) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

2.Hình thức thi: Viết.

3. Thời gian thi: 90 phút.

**Điều 9. Bài thi tin học**

1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

2. Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

3. Thời gian thi: 45 phút.

**HỆ SỐ LƯƠNG GIẢNG VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG SAU KHI NÂNG HẠNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức danh/mã ngạch** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** | **Bậc 4** | **Bậc 5** | **Bậc 6** | **Bậc 7** | **Bậc 8** | **Bậc 9** | **Bậc 10** |
| Giảng viên hạng III  (Mã số: V.07.01.02) | **2.34** | **2.67** | **3.00** | **3.33** | **3.66** | **3.99** | **4.32** | **4.65** | **4.98** | **VK5%** |
| Giảng viên hạng II  (Mã số: V.07.01.03) | **4.40** | **4.74** | **5.08** | **5.42** | **5.76** | **6.10** | **6.44** | **6.78** | **VK 5%** |  |
| Giáo viên THCC  (Mã số 15.112) | **4.00** | **4.34** | **4.68** | **5.02** | **5.36** | **5.70** | **6.04** | **6.38** | **VK5%** | **VK 11%** |

**Ví dụ:**

1. Giảng viên hạng III hệ số lương 4.98 (bậc 9) mã ngạch V.07.01.03, khi thăng hạng lên Giảng viên hạng II sẽ được hưởng với hệ số lương 5.08 (bậc 3), mã ngạch V.07.01.02.
2. Giáo viên THCC 5.70 (bậc 6) mã ngạch 15112 khi chuyển ngạch sang Giảng viên hạng II sẽ được hưởng với hệ số 5.76 (bậc 5), mã ngạch V.07.01.02.